

Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày: 08-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Nhân.
2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2019/TLST-HS, ngày 17 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2019/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức L, sinh năm 1995 (có mặt).

Nơi cư trú: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn lớp 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Kim L; Anh chị em ruột: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án 01: Vào ngày 12/8/2016, Nguyễn Đức L bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 16/10/2018, L chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 20/7/2019; Tạm giam từ ngày 23/7/2019 đến nay.

Người bị hại:

- 1/. Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xét xử vắng mặt).
- 2/. Ông Lương Hoàng N, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1/. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2/. Ông Lê Hoàng Ngọc A, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt không lý do).

3/. Ông Phạm Tuấn C, sinh năm 1993. Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xét xử vắng mặt).

4/. Ông Trần Hữu P, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Đường P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xét xử vắng mặt).

5/. Ông Hà Văn T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp V, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xét xử vắng mặt).

6/. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1958. Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xét xử vắng mặt).

7/. Bà Hồ Thị Kim P, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xét xử vắng mặt).

3. Vật chứng đưa ra xem xét tại phiên tòa: 01 (một) ổ khóa dây xích dài 60cm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án bị cáo L thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 08/7/2019, Nguyễn Đức L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84K4-4100 chở sau là Lê Xuân T, sinh năm 1987, nơi cư trú: Mé Sông C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long từ thành phố V về nhà bà con của L tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh để chơi. Sau đó, L và T đến nhà Dương Trung T, sinh năm 1995, tọa lạc tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, tại đây L và T cùng một số người khác tổ chức nhậu. Đến khoảng 00 giờ ngày 09/7/2019, L chở T đến trước cửa rào nhà Nguyễn Văn Đ (là ông nội của L), sinh năm 1950, tọa lạc tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, L kêu T ở ngoài đợi còn L đi vào nhà lấy xe. Khi đến cổng thì cửa rào đã bị khoá, L dùng chìa khóa, sau đó L vào trong quan sát không có ai nên lấy trộm 01 xe mô tô, biển kiểm soát 84L1-234.84, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng xám, số loại Wave RSX, số máy JA32E1006780, số khung 3200EY003537 của Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1995 (là con ruột của ông Đ), nơi cư trú: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang dựng trước hành lang nhà của ông Đ. Sau khi lấy được xe, L dẫn ra lộ do xe mở khoá không được nên L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84K4-4100 còn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84L1-234.84 để L dùng chân đẩy xe từ phía sau về tới thành phố V. Tại đây, L gặp Lê Hoàng Ngọc A, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nhờ A bán xe trộm được cho Phạm Tuấn C, sinh năm 1993, nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được 5.000.000 đồng, số tiền bán được xe L và T đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 733/KL-ĐGTS ngày 16/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 xe mô tô, biển kiểm soát 84L1-234.84, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng xám, số loại Wave RSX, số máy JA32E1006780, số khung 3200EY003537 của Nguyễn Thị Như T tại thời điểm bị chiếm đoạt, trị giá 14.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 14 giờ ngày 13/7/2019, Nguyễn Đức L đến nhà của Lương Hoàng N, sinh năm 1976, tọa lạc tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long thì thấy cửa rào đóng còn cửa nhà thì khép kín. Lúc này L quan sát thấy không có ai ở nhà nên L đã đột nhập vào trong nhà của N lấy trộm: 01 (một) CPU Main I3 + Ram 45Gb; 01 (một) màn hình máy vi tính hiệu Ben Q, màn hình Led 20 inch, màu đen; 01 (một) thanh Ram dung lượng 16 GB; 01 (một) chuột máy vi tính có dây; 01 (một) ổ cứng rời dung lượng 160 GB, nhãn hiệu SEAGATE; 01 (một) ổ cứng rời dung lượng 01 TB, nhãn hiệu SEAGATE; 01 (một) ổ cứng rời dung lượng 240 GB, nhãn hiệu KINGSTON. Sau khi lấy trộm được tài sản, L mang đi bán cho Trần Hữu P, sinh năm 1979, nơi cư trú: Phạm Thái B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long được 1.850.000 đồng. Số tài sản này P tiếp tục bán lại cho Hà Văn T, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp V, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long với giá 3.200.000 đồng. Số tiền bán được L tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá số: 68/HĐĐG & TTHS ngày 31/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long kết luận: 01 (một) chuột máy vi tính có dây; 01 (một) ổ cứng rời dung lượng 160 GB, nhãn hiệu SEAGATE; 01 (một) ổ cứng rời dung lượng 01 TB, nhãn hiệu SEAGATE; 01 (một) ổ cứng rời dung lượng 240 GB, nhãn hiệu KINGSTON của Lương Hoàng N, có giá trị: 1.502.000 đồng. Riêng 01 (một) CPU Main I3 + Ram 45Gb; 01 (một) màn hình máy vi tính hiệu Ben Q, màn hình Led 20 inch, màu đen; 01 (một) thanh Ram dung lượng 16 GB không đủ cơ sở để định giá.

Tại Bản cáo trạng số: 54/CT-VKSCL, ngày 17/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Nguyễn Đức L theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự về tội trộm cắp tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đức L, hoàn toàn thống nhất với nội dung Bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 15 tháng 6 năm 2019, bị cáo dùng chìa khóa cửa rào, sau đó vào trong quan sát không có ai nên lấy trộm 01 xe mô tô, biển số kiểm soát 84 L1-234.84, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng xám, số loại Wave RSX, số máy JA32E1006780, số khung 3200EY003537 của Nguyễn Thị Như T, trị giá 14.000.000 đồng và vào khoảng 14 giờ ngày 13/7/2019, bị cáo đến nhà của ông Lương Hoàng N, quan sát thấy không có ai ở nhà nên bị cáo đột nhập vào trong nhà lấy trộm 01 (một) chuột máy vi tính có dây; 01 (một) ổ cứng rời dung lượng 160 GB, nhãn hiệu SEAGATE; 01 (một) ổ cứng rời dung lượng 01 TB, nhãn hiệu SEAGATE; 01 (một) ổ cứng rời dung lượng 240 GB, nhãn hiệu KINGSTON của Lương Hoàng N, có giá trị: 1.502.000 đồng.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, thời hạn tù được

tính từ ngày 20/7/2019. Ngoài ra, Vị còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Đức L, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và bị cáo không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bà Nguyễn Thị Như T và ông Lương Hoàng N là người bị hại; Ông Phạm Tuấn C, ông Trần Hữu P, ông Hà Văn T, bà Hồ Thị Kim P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng ông Lê Hoàng Ngọc A là có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có mặt tại nơi cư trú tiến hành niêm yết là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với biên bản bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh và của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Đức L tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C, Công an thành phố V thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức L là nguy hiểm cho xã hội; Bởi vì, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, phương tiện đi lại, điện thoại, xe,... là do quá trình lao động mới có được. Bị cáo là người có đủ sức khỏe lao động tạo ra nguồn thu nhập, phục vụ nhu cầu cuộc sống bản thân và gia đình, nhưng bị cáo không lo chí thú làm ăn, lợi dụng sự sơ hở quản lý tài sản của chủ sở hữu, thực hiện hành vi lén lút đối với chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản. Cụ thể vào khoảng 00 giờ ngày 09/7/2019, bị cáo lấy trộm tài sản của bà Nguyễn Thị Như T là 01 xe mô tô biển số kiểm soát 84L1-34.84, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng xám, số loại Wave RSX, số máy JA32E1006780, số khung 3200EY003537, trị giá 14.000.000 đồng. Tiếp tục vào khoảng 14 giờ ngày 13/7/2019, bị cáo đã đột nhập vào trong nhà của ông Lương Hoàng N lấy trộm: 01 (một) chuột máy vi tính có dây; 01 (một) ổ cứng rời dung lượng 160 GB, nhãn hiệu SEAGATE; 01 (một) ổ cứng rời dung lượng 01 TB, nhãn hiệu SEAGATE; 01 (một) ổ cứng rời dung lượng 240 GB, nhãn hiệu KINGSTON, trị giá 1.502.000 đồng. Riêng 01 (một) CPU Main I3 + Ram 45Gb; 01 (một) màn hình máy vi tính hiệu Ben Q, màn hình Led 20 inch, màu đen; 01 (một) thanh Ram dung lượng 16 GB không đủ cơ sở để định giá.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, mặc dù thiệt hại tài sản không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại bị nghiêm trị. Bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ tham lam, tư lợi, muốn có tiền không phải bỏ ra công sức lao động, bị cáo phạm tội 02 lần nên bị cáo cố ý phạm tội, lần phạm tội này là thuộc trường hợp tái phạm theo Điều 53 Bộ luật hình sự, vì trước đó bị cáo đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích là vào ngày 12/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đáng lẽ bị cáo phải biết ăn năn, hối cải, chí thú làm ăn nhưng bị cáo không biết sửa chữa, chỉ vì nhu cầu lợi ích cá nhân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức L rất xem thường pháp luật và thuộc thành phần khó cải tạo, đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương mà còn gây hoang mang trong đời sống của quần chúng nhân dân.

[4] Tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C thời gian gần đây xảy ra liên tục, gây bức xúc trong nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại, sự việc xảy ra là người thân trong gia đình, tài sản không lớn, gia đình bị cáo có người thân có công với cách mạng như ông Nguyễn Văn Đ là ông nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng 3, bà Võ Thị X là bà cố được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất. Đây là những căn

cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Do đó ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại bà Nguyễn Thị Như T, ông Lương Hoàng N đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tuấn C, ông Trần Hữu P, ông Hà Văn T mua tài sản của bị cáo L trộm, không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã mua, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ: 01 (một) ổ khóa dây xích dài 60cm, tài sản này của ông Nguyễn Văn Đ, tại phiên tòa ông Đ không nhận lại, do không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 53 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 20/7/2019.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã mua, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ổ khóa dây xích dài 60cm.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Lê Thị Trúc Linh